

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### Năm báo cáo: 2018

#### I. Thông tin chung

##### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM PHONG PHÚ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0 3 0 1 4 2 7 5 6 4
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 (Tám mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
- Điện thoại: (028) 3754 7999; Fax: (028) 3754 7996
- Người đại diện pháp luật: Ông THÁI NHÃ NGÔN – Tổng Giám đốc
- Website: www.duocphongphu.com.vn – www.duocphongphu.vn
- Mã cổ phiếu: PPP

##### Quá trình hình thành và phát triển:

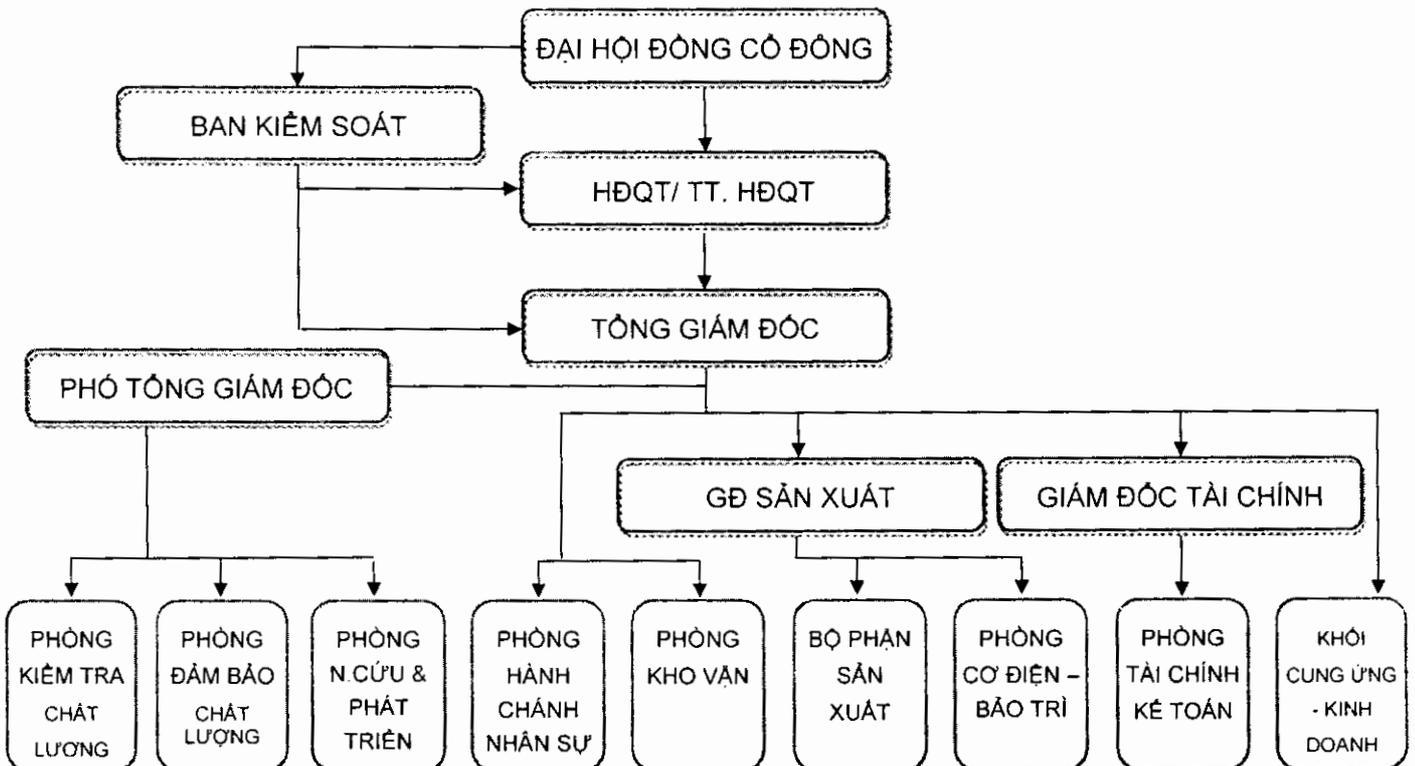
- Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú được thành lập ngày 20/08/2000, theo quyết định số 8030/QĐ-UB-KT ký ngày 28/12/1999 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM.
- Thời điểm niêm yết: 18/07/2011.

##### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh thuốc và thực phẩm chức năng.
- Địa bàn kinh doanh: toàn quốc

##### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý: theo sơ đồ tổ chức dưới đây:



- Công ty con: Công ty TNHH Usar Việt Nam
  - Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn và bán lẻ thuốc
  - Công ty Phong Phú góp 100% tổng số vốn điều lệ 2.000.000.000 đ (*Hai tỷ đồng*)

#### 4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - Nâng cao năng lực, hiệu quả và chất lượng trong hoạt động sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, sản phẩm đặc trị để đa dạng hóa sản phẩm.
  - Nhanh chóng tiến hành sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu (là thế mạnh vốn có của Công ty) sau khi đã được Cục Quản lý dược – Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận cho Dây chuyền sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu.
  - Thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tăng thị phần và mở rộng thị trường trên toàn quốc, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trên toàn thị trường.
  - Tiếp tục đầu tư cải tiến các dây chuyền sản xuất, trang thiết bị tiên tiến và hiện đại, sử dụng hết công suất sản xuất.
  - Tìm kiếm, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - Xây dựng chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển sản phẩm đến năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế, năng lực sản xuất của Công ty và nhu cầu của thị trường. Đặc biệt giữ vững các thị trường truyền thống và chú trọng phát triển các thị trường mới, tiềm năng.
  - Tăng cường mở rộng hợp tác với khách hàng trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt chú trọng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, thực phẩm chức năng.
  - Từng bước tiếp tục hoàn thiện hệ thống hoạt động hoàn chỉnh, xuyên suốt và khép kín từ khâu sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, khâu phân phối đạt tiêu chuẩn GDP đến hệ thống kinh doanh chuỗi hiệu thuốc đạt tiêu chuẩn GPP của Công ty.

#### 5. Các rủi ro:

##### a. Rủi ro thị trường:

- Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.
- Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

##### b. Rủi ro tín dụng:

- Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.
- Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam, mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### c. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Công ty quản lý rủi ro thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, phù hợp với các khoản vay ở mức đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
- Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.723.531.189	126.241.051.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.808.082.352	712.053.135
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.915.448.837	125.528.998.485
4. Giá vốn hàng bán	104.119.740.594	97.459.523.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.795.708.243	28.069.475.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	40.681.060	29.179.636
7. Chi phí tài chính	3.312.572.820	4.484.804.372
Trong đó: Chi phí lãi vay	3.301.820.320	4.303.674.351
8. Chi phí bán hàng	5.076.706.640	6.873.261.165
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.938.161.553	9.196.873.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.508.948.290	7.543.715.742
11. Thu nhập khác	601.077.262	814.502.206
12. Chi phí khác	190.692.965	150.901.333
13. Lợi nhuận khác	410.384.297	663.600.873
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.919.332.587	8.207.316.615
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.823.110.465	1.658.124.598
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(247.527.243)	(67.714.784)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.343.749.365	6.616.933.801
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	6.343.749.365	6.616.933.801
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	927	902

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ hoàn thành
Tăng vốn điều lệ	20.000.000.000	20.000.000.000	100%
Doanh thu thuần	180.000.000.000	125.528.998.485	69,74%
Lợi nhuận sau thuế	10.800.000.000	6.616.933.801	61,27%
Tỷ lệ chi trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần (%)	10%	*	

(\*) Trình ĐHCĐ thường niên năm 2019

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYÊN MÔN	SỐ CP	TỶ LỆ
1	Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD	3.676.891	45,96%
2	Hồ Vinh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Dược sĩ	511.900	6,39%
3	Phan Tấn Anh Việt	GD Sản xuất	Dược sĩ	0	0%

4	Nguyễn Minh Hùng	GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	1.000	0,01%
---	------------------	-------------------------------------	-----------------	-------	-------

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYÊN MÔN	SỐ CP	TỶ LỆ	NỘI DUNG THAY ĐỔI
1	Nguyễn Tấn Đạt	GD Chất lượng	Dược sĩ	0	0%	Miễn nhiệm
2	Đoàn Kim Vân	Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	0	0%	Miễn nhiệm
3	Nguyễn Minh Hùng	GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	1.000	0,01%	Bổ nhiệm

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 234 người. Trong đó:

- Ban Điều hành: 5 người
- Phòng Hành chính - Nhân sự: 6 người
- Phòng Tài chính - Kế toán: 8 người
- Phòng Kinh doanh - Tiếp thị: 68 người
- Phòng Cung ứng: 3 người
- Phòng Kho vận: 16 người
- Phòng Nghiên cứu phát triển: 7 người
- Phòng Cơ điện – Bảo trì: 6 người
- Phòng Đảm bảo Chất lượng: 16 người
- Phòng Kiểm tra Chất lượng: 15 người
- Bộ phận Sản xuất: 84 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

• **Chế độ làm việc:**

- Thời giờ làm việc của Nhân viên công ty là 48 giờ/ tuần. Tùy theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận làm thêm giờ. Chế độ làm thêm giờ được thực hiện theo quy định của Công ty trên cơ sở quy định của Luật Lao động.
- Hàng năm, công nhân trực tiếp sản xuất được cung cấp từ 02-03 bộ đồ bảo hộ lao động. Công ty luôn tạo điều kiện môi trường vệ sinh công nghiệp tốt cho khu vực sản xuất trực tiếp. Bộ phận văn phòng được trang bị đầy đủ thiết bị quản lý cho nhân viên thực hiện công việc đạt hiệu quả.

• **Chính sách đào tạo:**

- Đào tạo về chuyên môn: Công ty luôn động viên và có chính sách gửi nhân viên tham gia các lớp về chuyên môn nghiệp vụ ngành,... tùy theo tính chất/ yêu cầu công việc cần đào tạo Công ty tạo điều kiện về thời gian học tập.
- Đào tạo về quản lý: Thực hiện nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, Công ty có chính sách đưa nhân viên tham gia các lớp quản lý ngắn ngày, theo chuyên đề phục vụ cho công việc quản lý.
- Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:
  - ✓ Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
  - ✓ Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình của Công ty.

• **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

- Chính sách lương: Công ty xây dựng hệ thống thang bảng lương rõ ràng, minh bạch theo quy định pháp luật và thực tế tại đơn vị. Mức lương quy định luôn cao hơn mức quy định của Nhà nước. Việc xét nâng lương cũng được quy định rõ, để người lao động được biết và thực hiện. Ngoài việc nâng lương định kỳ, người lao động được nâng lương trước thời hạn khi có thành tích tốt trong công việc.
- Chính sách thưởng: Công ty có quy chế thi đua khen thưởng, nhằm khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty. Công ty có chính sách bình chọn các danh hiệu thi

đua như: tập thể tiên tiến, tập thể xuất sắc, cá nhân tiên tiến, cá nhân xuất sắc,... kèm theo những danh hiệu được bình chọn, các tập thể, cá nhân đạt thành tích còn được nhận giải thưởng bằng hiện vật và hiện kim. Trong một số trường hợp, đối với cá nhân đạt thành tích tốt còn được xem xét nâng lương trước thời hạn.

- o Bảo hiểm và phúc lợi: 100% CB-CNV Công ty được hưởng đầy đủ chế độ BHXH-BHYT-BHTN đúng quy định hiện hành. Chế độ nghỉ phép được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành. Các mức chi thăm hỏi, hiếu, hỷ, trợ cấp khó khăn cho người lao động được trích từ Quỹ phúc lợi. Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch bằng quỹ phúc lợi trích lại hàng năm.
- o Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo định kỳ mỗi năm một lần. Ngoài ra, tập thể Người lao động được mua bảo hiểm tai nạn 24/24.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: không có.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Tổng kết năm 2018, Công ty TNHH Usar Việt nam (là công ty con, 100% vốn của Công ty) mang lại lợi nhuận sau thuế là 1.749.601.529 đồng.

### 4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/ Giảm
- Tổng giá trị tài sản	153.661.953.279	157.447.217.288	2,46%
- Doanh thu thuần	131.915.448.837	125.528.998.485	(4,84%)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.508.948.290	7.543.715.742	0,46%
- Lợi nhuận khác	410.384.297	663.600.873	61,7%
- Lợi nhuận trước thuế	7.919.332.587	8.207.316.615	3,64%
- Lợi nhuận sau thuế	6.343.749.365	6.616.933.801	4,31%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	927	902	(2,7%)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,88	1,33	
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,48	0,59	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,51	0,39	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,05	0,64	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	4,61	3,07	
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,86	0,80	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	4,8%	5,27%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	8,5%	6,91%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	4,1%	4,2%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Cổ phần:**

Số và Loại CP đang lưu hành			Tình trạng chuyển nhượng			Ghi chú
Phổ thông	Khác	Tổng	Tự do	Hạn chế	Tổng	
8.000.000	-	8.000.000	6.000.000	2.000.000	8.000.000	Hạn chế chuyển nhượng 01 năm, kể từ ngày 30/09/18 đến 30/09/19

**b. Cơ cấu cổ đông:** (Cổ đông lớn – Cổ đông nhỏ; Cổ đông tổ chức – Cổ đông cá nhân; Cổ đông trong nước – Cổ đông nước ngoài; Cổ đông Nhà nước – các cổ đông khác)

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	- Cổ đông lớn:	5.209.951	65,12%
	- Cổ đông nhỏ:	2.790.049	34,98%
	- Tổng:	8.000.000	100%
2	- Cổ đông tổ chức:	79.960	1,00%
	- Cổ đông cá nhân:	5.967.840	99,00%
	- Tổng:	8.000.000	100%
3	- Cổ đông trong nước:	7.931.700	99,15%
	- Cổ đông nước ngoài:	68.300	0,85%
	- Tổng:	6.000.000	100%
4	- Cổ đông nhà nước:	0	0%
	- Cổ đông khác:	8.000.000	100%
	- Tổng:	8.000.000	100%

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư chủ sở hữu thay đổi từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng do đợt phát hành riêng lẻ trong năm.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có.

**e. Các chứng khoán khác:** không có.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Hoạt động năm 2018 chưa đạt các chỉ tiêu về sản xuất và bán hàng như kế hoạch, do các yếu tố sau:
  - Đội ngũ nhân sự Quản lý có nhiều biến động, năng lực còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng và phát triển theo mục tiêu đề ra;
  - Hệ thống bán hàng tại các khu vực hiện hữu như Miền Trung và Miền Đông – Tây Nguyên chưa được bao phủ hết, cũng như khu vực Miền Bắc chỉ mới triển khai bước đầu.
- Dây chuyền sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP-WHO đã được thẩm định và cấp Giấy chứng nhận do Cục Quản lý dược – Bộ Y tế cấp.

**2. Tình hình tài chính:**

- a. Tình hình tài sản:** Năm qua, công tác quản lý sử dụng tài sản được thực hiện tốt, hiệu quả. Nợ phải thu xấu, tài sản xấu không đáng kể và không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- b. Tình hình nợ phải trả:** Tổng nợ phải trả vẫn còn ở mức cao do chủ yếu từ việc vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy. Tuy nhiên, Công ty vẫn kiểm soát tốt và thanh toán đúng kỳ hạn và không để tình hình nợ phải trả ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Trong năm 2018 cơ cấu tổ chức của Công ty có một số thay đổi phù hợp với tình hình thực tế, bao gồm cả những thay đổi đối với nhân sự quản lý cấp cao và cấp trung.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch và định hướng phát triển trong tương lai như sau:

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức, Điều lệ, Quy chế quản trị để hoàn thiện và chặt chẽ hơn nữa, phù hợp các quy định của pháp luật.
- Tăng cường quản lý giám sát đối với hoạt động của Ban TGD và Cán bộ quản lý, trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT để đảm bảo mọi hoạt động đều có hiệu quả, đúng quy định pháp luật và hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh.
- Tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự có trình độ cao tham gia công tác quản lý điều hành của Công ty, tiếp tục tái cơ cấu bộ máy quản lý tinh gọn và ngày càng hiệu quả.
- Nhanh chóng triển khai sản xuất và đưa ra thị trường các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu, nhằm phát huy thế mạnh vốn có cũng như đa dạng danh mục hàng hóa của Công ty, góp phần gia tăng doanh thu bán hàng.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và mở rộng hơn nữa hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty. Giữ vững thị phần tại TP.HCM và Miền Tây Nam bộ, đồng thời đẩy nhanh tiến độ mở rộng thị phần trên toàn quốc.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình sản xuất, kiểm soát chi phí và nâng cao năng suất lao động.
- Thúc đẩy và tạo điều kiện phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có chính sách hỗ trợ phù hợp. Đồng thời tăng cường nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết và có tinh thần trách nhiệm, xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng ngày càng hoàn chỉnh
- Lập kế hoạch và thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm, định hướng phát triển cho các CBCNV và các bộ phận trong Công ty.
- Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá năng lực và thành tích cho CBCNV toàn Công ty.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Hoạt động của Công ty trong năm 2018 vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành dược nói riêng.
- Một số chỉ tiêu chính về sản xuất và bán hàng chưa đạt như kỳ vọng.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:**

- HĐQT luôn theo dõi, chỉ đạo hoạt động của Ban TGD, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban TGD
- Ban TGD đã và đang triển khai thực hiện hầu hết các nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT
- Năm 2018 Ban TGD đã tiếp tục chuẩn hóa các quy chế, quy trình nội bộ để nâng cao năng lực quản trị, đồng thời đảm bảo chi phí được kiểm soát hiệu quả.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: (đã nêu trên)**

V. **Quản trị công ty:**

1. **Hội đồng quản trị:**

a. **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP	TỶ LỆ	CHỨC DANH TẠI CÔNG TY CON
1	Thái Nhã Ngôn	CT. HĐQT Tổng GD	3.676.891	45,96%	
2	Hồ Vinh Hiến	PCT. HĐQT Phó TGD	511.900	6,39%	P.CT HĐTV
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TV. HĐQT	0	0%	Chủ tịch HĐTV
4	Lê Thanh Trúc	TV. HĐQT	1.021.160	12,76%	-
5	Tô Thái Hân	TV. HĐQT	138.700	1,73%	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.348.651</b>	<b>66,85%</b>	

- b. **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị không phân chia theo các tiểu ban cụ thể.
- c. **Hoạt động của Hội đồng quản trị:** Năm 2018 Hội đồng quản trị có 10 buổi họp với sự tham dự đầy đủ các thành viên.
- d. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:** Có 03/05 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tại Công ty. Tuy nhiên, các thành viên này luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để đóng góp ý kiến về những vấn đề thuộc quyền của Hội đồng quản trị.
- e. **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** không có.
- f. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**
- Ông Thái Nhã Ngôn
  - Ông Hồ Vinh Hiến

2. **Ban Kiểm soát:**

a. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP	TỶ LỆ
1	Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng Ban kiểm soát	400	0,005%
2	Nguyễn Văn Chấn	Thành viên BKS	400	0,005%
3	Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên BKS	151.000	1,88%
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>151.800</b>	<b>1,89%</b>

b. **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát được mời và tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm, tham gia ý kiến đóng góp trong công tác quản trị Công ty. Ban kiểm soát có những cuộc họp độc lập để đề ra phương hướng nhiệm vụ phù hợp với tình hình công ty.
- Ban kiểm soát giám sát bộ phận kế toán và bộ phận khác có liên quan trong công tác kiểm kê thực tế tồn kho nguyên liệu, hàng hóa vào kỳ kiểm kê theo quy định Công ty.
- Tham gia cùng đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kỳ 06 tháng và năm 2018.
- Lập các báo cáo và góp ý cùng Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động còn tồn tại cần khắc phục của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:
- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (ngàn đồng/ tháng):

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG	PHỤ CẤP	THÙ LAO	TỔNG
1	Thái Nhã Ngôn	CT. HĐQT	33.000		5.000	38.000
2	Hồ Vinh Hiền	PCT. HĐQT	28.200	7.500	4.500	40.200
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TV. HĐQT	15.000	8.000	4.000	27.000
4	Lê Thanh Trúc	TV. HĐQT			4.000	4.000
5	Tô Thái Hân	TV. HĐQT			4.000	4.000
7	Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng BKS			4.000	4.000
8	Nguyễn Văn Chắc	TV. BKS	14.460		3.500	17.960
9	Phạm Thị Minh Tâm	TV. BKS	12.860		3.500	16.360
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>103.520</b>	<b>14.500</b>	<b>32.500</b>	<b>151.520</b>

Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc, khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hoá bằng tiền khác: không có.

- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Thái Nhã Ngôn	CT.HĐQT, TGD	2.676.891	44,61%	3.676.891	45,96%	Mua vào
2	Hồ Vinh Hiền	PCT.HĐQT, Phó TGD	311.900	5,19%	511.900	6,39%	Mua vào
3	Lê Thanh Trúc	TV.HĐQT	571.160	9,51%	1.021.160	12,76%	Mua vào
4	Thái Tú Minh Phương	Con ruột CT.HĐQT	0	0%	200.000	2,5%	Mua vào
5	Thái Thúc Dung	Chị ruột CT.HĐQT	0	0%	22.000	0,27%	Mua vào

- c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Trong năm Công ty không ký kết hợp đồng hoặc thực hiện các giao dịch với các Cổ đông nội bộ hoặc người liên quan đến các cổ đông nội bộ.
- d. **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công tác quản trị Công ty trong năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ Công ty.

## VI. Báo cáo tài chính:

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- Địa chỉ: Cao ốc Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 222 00 237; Fax: (028) 222 00 265

**Báo cáo Kiểm toán Số: 138/2019/BCKTHN-HCM.00623 ngày 28/03/2019 (đính kèm)**

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDK HN (HNX);
- HĐQT; BKS, Ban TGD;
- Lưu công ty.



THÁI NHÃ NGÔN



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

Số: 138/2019/BCKTHN-HCM.00623



Accountants &  
business advisers

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú và công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THỊ THANH MINH  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0068-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1

0004  
CỔ  
ĐƠN  
KIỂM  
TOÁN  
AFC VIỆT  
NAM  
TP.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.553.716.343</b>	<b>49.632.976.877</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.374.639.249</b>	<b>6.830.763.907</b>
1. Tiền	111	5.1	12.374.639.249	6.830.763.907
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.297.756.304</b>	<b>16.721.549.037</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	10.291.747.729	14.332.923.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	104.515.650	236.886.360
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	816.392.240	2.151.739.327
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		85.100.685	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.5	<b>31.781.443.139</b>	<b>22.581.987.469</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.357.788.272	23.819.623.685
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.576.345.133)	(1.237.636.216)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.099.877.651</b>	<b>3.498.676.464</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	444.458.599	220.199.258
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.575.165.662	3.278.477.206
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	80.253.390	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

899  
 T  
 S  
 T  
 Á  
 N  
 100

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>99.893.500.945</b>	<b>104.028.976.402</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	16.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>98.172.202.441</b>	<b>101.762.847.264</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	77.178.426.446	80.821.341.075
- Nguyên giá	222		104.322.790.165	102.653.603.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.144.363.719)	(21.832.262.084)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	20.993.775.995	20.941.506.189
- Nguyên giá	228		24.574.806.901	23.910.406.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.581.030.906)	(2.968.900.712)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.705.298.504</b>	<b>2.266.129.138</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.390.029.477	2.018.601.895
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.10	315.269.027	247.527.243
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>157.447.217.288</b>	<b>153.661.953.279</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.642.403.776</b>	<b>78.980.278.832</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.361.553.491</b>	<b>55.979.028.547</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	14.790.265.691	23.176.077.092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	5.497.259.407	3.272.279.372
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	731.910.150	569.088.934
4. Phải trả người lao động	314		2.080.953.515	320.280.670
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	193.941.398	138.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	570.853.182	265.012.954
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	18.829.206.880	27.396.955.402
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	667.163.268	841.334.123
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.280.850.285</b>	<b>23.001.250.285</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	246.000.000	823.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	18.034.850.285	22.178.250.285
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

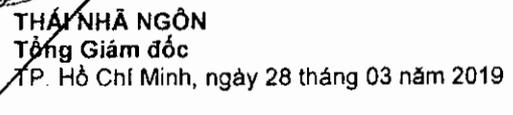
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

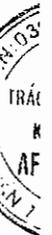
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>96.804.813.512</b>	<b>74.681.674.447</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>95.804.813.512</b>	<b>74.681.674.447</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.205.500.000	2.205.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.756.163.904	4.062.369.168
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.843.149.608	8.413.805.279
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.483.052.455	3.338.805.786
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.360.097.153	5.074.999.493
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>157.447.217.288</b>	<b>153.661.953.279</b>

  
**BÙI THỊ NGÂN TIÊN**  
 Người lập biểu

  
**NGUYỄN MINH HÙNG**  
 Kế toán trưởng



  
**THÁI NHÃ NGÀN**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		126.241.051.620	134.723.531.189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		712.053.135	2.808.082.352
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10	6.1	<b>125.528.998.485</b>	<b>131.915.448.837</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	97.459.523.377	104.119.740.594
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		<b>28.069.475.108</b>	<b>27.795.708.243</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	29.179.636	40.681.060
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.484.804.372	3.312.572.820
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.303.674.351	3.301.820.320
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.873.261.165	5.076.706.640
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.196.873.465	11.938.161.553
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22 + 24) - (25 + 26))</b>	30		<b>7.543.715.742</b>	<b>7.508.948.290</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	814.502.206	601.077.262
12. Chi phí khác	32	6.8	150.901.333	190.692.965
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>663.600.873</b>	<b>410.384.297</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>8.207.316.615</b>	<b>7.919.332.587</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.658.124.598	1.823.110.465
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(67.741.784)	(247.527.243)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60		<b>6.616.933.801</b>	<b>6.343.749.365</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	61		6.616.933.801	6.343.749.365
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>18. Lãi cơ bản cổ phiếu</b>	70	6.9	<b>902</b>	<b>927</b>

BÙI THỊ NGÂN TIẾN  
 Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG  
 Kế toán trưởng

THÁI NHÃ NGÔN  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019



14481  
 ĐÔNG  
 NHỊM  
 M. T. T.  
 VIỆT  
 TP. HCM

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.207.316.615	7.919.332.587
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	5.924.231.829	4.076.016.682
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	338.708.917	1.005.526.771
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.285.886)	(54.317.422)
- Chi phí lãi vay	06	4.303.674.351	3.301.820.320
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.747.645.826	16.248.378.938
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	7.111.104.277	(7.070.033.306)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(9.538.164.587)	(2.479.800.019)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(4.830.062.244)	9.260.168.074
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	404.313.077	(1.371.716.786)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.239.732.953)	(3.301.820.320)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.424.812.821)	(1.993.893.515)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(867.965.591)	(613.879.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.362.324.984	8.677.403.478
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.333.587.006)	(29.683.316.063)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	13.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.285.886	40.681.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.307.301.120)	(29.628.998.640)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	41.509.960.325	67.176.919.244
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(54.221.108.847)	(48.855.950.591)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.800.000.000)	(4.706.645.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.488.851.478	13.614.323.653

25-C  
Y  
UHI  
N  
AM  
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ  
Lô số 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.543.875.342	(7.337.271.509)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	6.830.763.907	14.168.035.416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	12.374.639.249	6.830.763.907

BÙI THỊ NGÂN TIÊN  
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG  
Kế toán trưởng



THAI NHÀ NGÔN  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019